TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/5/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà **-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐ-PT ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến S, sinh ngày 18/02/1976

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện G, Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Tạ Thị H, sinh ngày 12/12/1984.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã Đ, huyện G, Hải Dương.

Hiện cư trú: Đài Loan.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G vào ngày 12/4/2004. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2013 chị H đi lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu chị H có điện thoại liên lạc với anh, nhưng sau đó thưa dần. Nguyên nhân anh làm đơn xin ly hôn là do chị H nhiều năm nay không quan tâm đến anh. Thời gian đầu ở nước ngoài, chị H có gửi ít tiền khoảng 20 triệu đồng để nuôi các con qua ông Tạ Quang T (bố đẻ chị H), từ năm 2018 chị không gửi tiền nữa, một mình anh gánh vác kinh tế, chăm lo nuôi dưỡng các con. Anh đã nhiều lần đến gặp bố mẹ đẻ chị H yêu cầu chị H về nước nhưng chị H không về.

Hiện chị H ở Đài Loan (Trung Quốc) địa chỉ cụ thể nào anh không biết, không liên lạc. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Tiến Phú C, sinh ngày 12/3/2007. Hiện 02 con đang do anh chăm sóc. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cả 02 con và có xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Nếu được nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Về phía bị đơn chị Tạ Thị H:*

Theo kết quả xác minh với Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an, chị Tạ Thị H có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh vào ngày 20/06/2014 qua cửa khẩu Hữu Nghị, chưa có thông tin nhập cảnh.

* Ông Tạ Quang T (bố để chị H) cung cấp: Chị H đi lao động ở Đài Loan (Trung Quốc) được 5-6 năm. Hiện, chị H vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với ông, nhưng địa chỉ cụ thể của chị H ông không biết, nên không cung cấp cho Tòa án được. Khi làm thủ tục đi nước ngoài, chị H tự đi làm thủ tục xuất cảnh đi lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), còn đi xuất cảnh qua cửa khẩu nào ông không biết. Nay anh S làm đơn ly hôn với chị H, ông nhất trí nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao để thông báo cho chị H biết.

Sau khi được thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, chị không trình bày quan điểm bằng văn bản gửi cho Tòa án. Thông qua lời trình bày của ông T quan điểm giải quyết vụ án của chị H như sau:

Chị đi Đài Loan (Trung Quốc) là được sự đồng ý của anh S và gia đình nhà chồng. Chị đi lao động xa nhưng vẫn thường gọi điện cho anh S và các con, nhưng anh S không nghe máy. Về kinh tế, chị vẫn gửi tiền về cho ông T để ông T đưa cho anh S chăm lo cho các con. Do anh S yêu cầu chị H về nước, chị H không đồng ý vì chị đi làm ăn kinh tế, chưa xác định được ngày về. Nên anh S xin ly hôn, chị H không nhất trí. Còn nếu anh S cương quyết ly hôn, chị không níu kéo, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như anh S trình bày. Nếu Tòa án xử cho ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không về Việt Nam để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị được giải quyết vụ án vắng mặt và ủy quyền cho ông T thay chị nhận các văn

bản tố tụng của Tòa án. Ông T nhất trí nhận sự ủy quyền trên của chị H.

*Ông Nguyễn Tiến Đ (bố đẻ anh S) và chị Phạm Thị N (chị dâu anh S) đều cung cấp: Anh S và chị H kết hôn và chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Năm 2013 chị H đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan, sau đó trốn ra ngoài cư trú bất hợp pháp. Chị H đi nước ngoài nhiều năm nay nhưng chưa lần nào về Việt Nam thăm gặp gia đình. Kinh tế và chăm lo gia đình do mình anh S gánh vác. Chị H chỉ gửi tiền cho bố mẹ đẻ chị H, có vài lần gửi cho các con nhưng số tiền không đáng kể. Vì vậy, anh S và gia đình đã nhiều lần động viên chị H về nước để cùng anh S xây dựng kinh tế và chăm lo các con, nhưng chị H không về. Nay, anh S xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Tòa án tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Đương sự cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS. VKS phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xử cho anh Nguyễn Tiến S được ly hôn chị Tạ Thị H; về con chung: giao cả hai con chung cho anh S nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo kết quả xác minh của Cục quản lý xuất nhập cảnh, chị Tạ Thị H có thông tin xuất cảnh, đang sinh sống ở nước ngoài, chưa có thông tin nhập cảnh. Anh S và bố đẻ chị H xác định chị H xuất cảnh qua cửa khẩu nào không rõ. Hiện chị H vẫn liên lạc với ông Tạ Quang T. Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ của chị H nhưng ông chỉ biết hiện chị H ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể không biết, nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G vào ngày 12/4/2004, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 chị H đi lao động ở Đài Loan, hiện chị sống bất hợp pháp ở Đài Loan. Từ khi đi cho đến nay chị H chưa lần nào về nước thăm gặp gia đình. Căn cứ lời khai của anh S và gia đình hai bên phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh S và chị H mâu thuẫn là có thật và nguyên nhân chính là do không tin tưởng nhau về kinh tế, bất đồng quan điểm về việc chị H ở Đài Loan không về Việt Nam sinh sống. Vì vậy vợ chồng đã không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh chị sống xa nhau đã lâu, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, xử cho anh S được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Tiến Phú C, sinh ngày 12/3/2007. Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung: Hiện nay chị H cư trú ở Đài Loan nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh S là người chăm sóc nuôi dưỡng các con từ khi chị H đi Đài Loan (năm 2013) cho đến nay. Hiện anh có công việc ổn định và thu nhập ổn định. Do anh chung sống cùng bố đẻ là Nguyễn Tiến Đ nên việc chăm sóc con chung ngoài anh ra còn có ông Đ phụ giúp. Các con đều học tập, phát triển bình thường và có cuộc sống ổn định. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh S, giao cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cũng như phù hợp với chính nguyện vọng của các con chung là muốn được ở cùng anh S.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều

147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến S được ly hôn chị Tạ Thị H.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Nguyễn Tiến S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 12/6/2005 và Nguyễn Tiến Phú C, sinh ngày 12/3/2007 kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Tạ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh S.

- Chị Tạ Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006094 ngày 13/3/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh S đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Xương, Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Vũ Thị Yến